

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH**

Bản án số: 77/2022/HS-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Nguyễn Phước Lộc.**

**Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Cẩm Duyên**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nghiêm Ngọc Phương**, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2022/TLST- HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST- HS, ngày 30 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/HSST-QĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022` đối với bị cáo:

**Danh P**, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1990; Tại GQ, KG - Nơi thường trú: Ấp CQ, xã PhL, huyện GT, tỉnh KG. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Khome. Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 2/12; Con ông: Danh Si R và bà Thị N. Vợ: Trần Thị N. Con có 01 người sinh năm 2020. Anh, chị, em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất 1992. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 21/3/2015, thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn; ngày 01/6/2015, bị khởi tố, truy nã; ngày 08/02/2022, ra đầu thú rồi bị tạm giữ; ngày 14/02/2022, cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 04. Hiện đang thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Phúc Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh **Tiên Kha N**, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp TrPh, xã PhM, huyện G Th, tỉnh K G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1975; địa chỉ: xã Xả MHS, huyện H Đ, tỉnh KG ; chỗ ở: Tổ 8, ấp SL, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Danh P và anh Tiên Kha N là bạn làm chung công trình đang xây dựng nhà tại thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc (nay là phường An Thới, thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang và ở tại công trình. Ngày 17/3/2015, Phụng hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68F1 – 021.59 của anh N để đi công việc vài ngày, thì anh N đồng ý. P điều khiển xe mượn của anh N chạy đến quán của chị Trần Thị H, thuộc ấp Suối lớn, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc uống bia và ngủ tại quán. Sáng ngày 18/3/2015, do không đủ tiền trả nên P đi về công trình nơi P và N ở, rồi lấy trộm giấy đăng ký xe của anh N và 01 giấy tờ khác đi đến quán chị H tiếp tục uống bia, uống 02 ngày liên tiếp. Khoảng 08 giờ ngày 21/3/2015, P bán chiếc xe mô tô mượn của anh N cho chị H với giá 11.000.000 đồng, chị H tin là xe của P nên đồng ý mua. Sau khi nhận tiền, P trả tiền quán cho chị H và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, P bỏ trốn. Ngày 01/6/2015, Danh P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P khởi tố, truy nã. Ngày 08/02/2022, Phụng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P đầu thú và cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68F1 – 021.59 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy, xe mô tô mang tên Tiên Kha N; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy tên Tiên Kha N; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện tai nạn con người và cháy nổ mô tô, xe máy tên Tiên Kha N. Tất cả đã trao trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá về tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố P kết luận: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68F1 – 021.59, số máy: 1FC3-016747, số khung: FC30EY016746, đã qua sử dụng, có giá trị tài sản thực tế là: **19.550.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).**

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKSPQ ngày 12/5/2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh P về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo Danh P đã khai nhận: Ngày 21/3/2015, sau khi mượn xe mô tô của anh N, bị cáo đã chạy đến quán của chị H tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, huyện P

(nay là thành phố P) uống bia. Do không có tiền trả và tiêu xài bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã bán cho chị H với giá 11.000.000 đồng để trả tiền bia, số tiền còn lại bị cáo đã tiêu xài hết sau đó bỏ trốn. Đến ngày 08/02/2022, đã hồi hận biết là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P đầu thú toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được. Do đó, Viện kiểm sát truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Anh Tiên Kha N vắng mặt tại phiên tòa, ngày 05/5/2022 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, trong đơn anh N đề nghị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vì anh đã nhận lại tài sản.

Chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra chị H đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh K sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Danh P về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Danh P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo Danh P 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ và khấu trừ thời gian tạm giữ cho bị cáo. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định do vậy không đề nghị khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố p, tỉnh K đã thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 68F1 – 021.59, số máy: 1FC3-016747, số khung: FC30EY016746 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy, xe mô tô mang tên Tiên Kha N; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy tên Tiên Kha N; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện tai nạn con người và cháy nổ mô tô, xe máy tên Tiên Kha N. Tất cả vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu, người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về phần dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H có đơn yêu cầu bị cáo Danh P trả lại số tiền mua xe là 11.000.000 đồng. Đề nghị áp dụng Điều

48 Bộ luật hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Danh P bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 11.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện viện kiểm sát. Nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã nêu trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện công khai hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại anh Tiên Kha N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H nhưng anh Tiên Kha N đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, chị Trần Thị H tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Danh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi mượn xe mô tô có giá trị 19.550.000 đồng rồi mang đi bán lấy tiền, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Danh P đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự như cáo trạng số 63/CT-VKSPQ ngày 12/5/2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã truy tố bị cáo Danh P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, là khách thể được Bộ luật hình sự ghi nhận và bảo vệ. Khi thực hiện hành vi vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc mượn tài sản rồi tự ý định đoạt sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp

luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, giáo dục phòng ngừa chung tình hình phạm tội, việc áp dụng biện pháp, pháp lý hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

[5] Xét tính chất và mức độ cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và nhân thân bị cáo, thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã trao trả cho bị hại và bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số (Khome) cư trú vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, phạm tội trong lúc khó khăn nhất thời. Mặt khác, bản thân bị cáo là người lao động đi làm thuê để kiếm tiền nuôi sống bản thân, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lao động kiếm tiền nuôi vợ con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương giúp bị cáo tiếp tục được lao động kiếm tiền nuôi vợ con ăn học để bảo đảm tính nhân văn của pháp luật hình sự và để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ 01 phần thu nhập của bị cáo.

[6] Từ những nhận xét, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố p, tỉnh K về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh K đã thu giữ vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng theo biên bản trả lại tài sản ngày 08/6/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố P, tỉnh K, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Tiên Kha N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì, đề nghị gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo Danh P trả lại số tiền mua xe là 11.000.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Danh P bồi thường cho chị H số tiền 11.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 48 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Danh P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Danh P 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 06 (sáu) ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời hạn tạm giữ từ ngày 08/02/2022 đến ngày 14/02/2022 là bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Danh P cho Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh K nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phúc Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh K trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ 01 phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh K đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng theo biên bản trả lại tài sản ngày 08/6/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P, tỉnh K.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Danh P phải bồi thường cho chị Trần Thị H số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Danh P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Tiên Kha N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSTP P;
- THATP P;
- Nhà TGTP P;
- UBND xã Phúc Lợi, H G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
- Bị cáo, bị hại, người cquyền lợi nghĩa vụ liên quan.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Bình**